TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:145/2017/DS-PT
Ngày: 06-9-2017
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Nhiên

Các Thẩm phán: Ông Lê Lâm Sơn

Ông Phạm Đình Thi

- Thư ký phiên tòa: Bà Trương Thị Quý – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Văn Nhân - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 104/2017/TLPT-DS ngày 24 tháng 7 năm 2017 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 13/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 194/2017/QĐ-PT ngày 09 ngày 8 tháng 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa phúc thẩm số 84/2017/QĐPT-DS ngày 24 tháng 8 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Trần Anh T, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Địa chỉ: Khu phố M, thị trấn L, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Thái Đức G, sinh năm 1985 (có mặt - Theo văn bản ủy quyền ngày 18/8/2017).

Địa chỉ: Ấp Z, xã Y, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Ông Danh Đ1, sinh năm 1965 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Q, xã B, huyện C, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Đức Đ2, sinh năm 1968 (có mặt - Theo văn bản ủy quyền ngày 29/8/2017).

Địa chỉ: Phường H, quận O, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người kháng cáo:* Bị đơn ông Danh Đ1.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn ông Trần Anh T trình bày: Vào ngày 15/7/2015 ông Danh Đ1 có vay của ông số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, tiền lãi trả hàng tháng, thời hạn vay 06 tháng, có làm biên nhận, giao nhận tiền tại quán cafe Thanh Ngân ở Minh Lương, không có ai chứng kiến. Từ ngày vay đến nay, ông Đ1 chưa trả gốc và lãi cho ông, ông có gọi điện nhắc nhở ông Đ1 nhiều lần nhưng ông Đ1 chỉ hứa mà không trả cho ông.

Ông yêu cầu ông Đ1 trả lại cho ông nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật. Ông chỉ yêu cầu ông Đ1 có trách nhiệm thanh toán, không yêu cầu vợ ông Đ1 là bà Thị E có trách nhiệm cùng ông Đ1 thanh toán số tiền này, đây là sự tự nguyện của ông và cam kết không khiếu nại về sau.

Bị đơn ông Danh Đ1 trình bày: Ông không thừa nhận vay của ông T số tiền 200.000.000 đồng như lời trình bày của ông T, vì giữa ông và ông T không quen biết nhau, chữ ký của ông trong Biên nhận ngày 15/7/2015 có thể có sự lừa đảo. Ông không đồng ý yêu cầu khởi kiện của ông T.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 13/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C đã quyết định:

Buộc ông Danh Đ1 có nghĩa vụ thanh toán cho ông T số tiền gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi 46.800.000 đồng, tổng cộng là 246.800.000 đồng. Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí giám định và báo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 19/6/2017 bị đơn ông Danh Đ1 có đơn kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm giải quyết là: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông T về việc yêu cầu ông phải thanh toán số tiền 200.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng trong vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm nghị án tại phiên tòa phúc thẩm đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về hướng

giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận một phần nội dung kháng cáo của ông Danh Đ1, sửa bản án sơ thẩm theo hướng điều chỉnh lãi suất cho phù hợp với yêu cầu của ông T là 9%/năm.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét Biên nhận tiền đề ngày 15/7/2015 thể hiện ông Danh Đ1 có vay tiền của ông Trần Anh T số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 6%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Tại kết luận giám định số 545/KL-KTHS ngày 11/10/2016 của Công an tỉnh Kiên Giang xác định chữ ký và chữ ghi họ tên "Danh Đ1" trong Biên nhận tiền là của ông Đ1 và tại phiên tòa ông Đ1 cũng thừa nhận là chữ ký và chữ viết trong biên nhận nêu trên là của ông Đ1. Ông Đ1 cho rằng giữa ông và ông T không quen biết nhau, không phát sinh giao dịch vay tiền, tuy nhiên theo xác nhận của những người làm chứng gồm ông Danh P, ông Lâm Danh R1, ông Danh Đồ R2, ông Lâm Danh H, bà Thị N thì giữa ông T và ông Đ1 có quen biết nhau nhiều năm và trong số những người mua đất của ông T có gia đình ông Đ1 (BL 61 đến BL 65). Theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự thì "Đương sự phản đối yêu cầu của người khác đối với mình phải thể hiện bằng văn bản và phải thu thập, cung cấp, giao nộp cho Tòa án tài liệu, chứng cứ để chứng minh cho sự phản đối đó". Tuy nhiên, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại giai đoạn phúc thẩm ông Đ1 không cung cấp được chứng cứ có giá trị pháp lý để chứng minh cho lời khai của mình và để phản bác lại yêu cầu của ông T . Do đó, cấp sơ thẩm buộc ông Đ1 phải trả số tiền gốc 200.000.000 đồng cho ông T là có căn cứ và phù hợp quy định tại Điều 471 Bộ luật dân sự năm 2005.

[2] Tại phiên tòa, Kiểm sát viên có ý kiến cho rằng, tại phiên tòa sơ thẩm đại diện theo ủy quyền của ông T chỉ yêu cầu ông Đ1 phải trả lãi suất là 9%/năm tương đương 0,75%/tháng (BL 119) nhưng cấp sơ thẩm lại tính lãi suất quá hạn bằng 1,125%/tháng là không phù hợp. Hội đồng xét xử xét thấy, phần tranh luận tại phiên tòa sơ thẩm (Bl 121) đại diện theo ủy quyền của ông T đã xác định lại yêu cầu của nguyên đơn về phần tiền lãi là: Yêu cầu ông Đ1 phải trả tiền lãi theo quy định của pháp luật kể từ ngày vay cho đến ngày xét xử sơ thẩm. Nên cấp sơ thẩm áp dụng mức lãi suất quá hạn bằng 1,125%/tháng là đúng quy định pháp luật và phù hợp với yêu cầu của ông T.

Đối với mức lãi suất trong hạn, cấp sơ thẩm tính bằng 0,75%/tháng là chưa chính xác, gây thiệt hại quyền lợi của nguyên đơn. Bởi lẽ, theo quy định tại khoản

1 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005 thì "Lãi suất do các bên thỏa thuận nhưng không được vượt quá 150% của lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước công bố đối với loại cho vay tương ứng"; theo đó mức lãi suất trong hạn sẽ được tính bằng 0,75%/tháng x 150% = 1,125%/tháng và tiền lãi trong hạn được tính bằng 200.000.000 đồng x 06 tháng x 1,125%/tháng = 13.500.000 đồng. Tuy nhiên, do ông T không có kháng cáo và tại phiên tòa phúc thẩm đại diện theo ủy quyền của ông T yêu cầu giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm, do đó Hội đồng xét xử thống nhất giữ nguyên quyết định về phần lãi suất của bản án sơ thẩm.

Từ những nhận định nêu trên, trong thảo luận nghị án, Hội đồng xét xử phúc thẩm thống nhất: không chấp nhận ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa, không chấp nhận kháng cáo của ông Đ1, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện C.

Án phí phúc thẩm: Ông Đ1 phải chịu 300.000 đồng tiền án phí, được khấu trừ vào tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 471, 473, 474 Bộ luật dân sự năm 2005; Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015; Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 27 Pháp lệnh số 10/2009/PL-UBTVQH12 ngày 27/02/2009 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 29, khoản 1 Điều 48 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Tuyên xử: Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn ông Danh Đ1. Giữ nguyên bản án sơ thẩm số: 13/2017/DS-ST ngày 09/6/2017 của Tòa án nhân dân huyện C.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Trần Anh T. Buộc ông Danh Đ1 phải trả lại cho ông Trần Anh T số tiền gốc 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng) và tiền lãi 46.800.000 đồng (bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng), tổng cộng là 246.800.000 đồng (hai trăm bốn mươi sáu triệu tám trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án

còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Ông Danh Đ1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 12.340.000 đồng và án phí phúc thẩm 300.000 đồng, được khấu trừ vào 300.0000 đồng tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp theo Biên lai thu số 0005887 ngày 19/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, ông Danh Đ1 còn phải nộp 12.340.000 đồng (Mười hai triệu ba trăm bốn mươi nghìn đồng).

- Hoàn trả lại cho ông Trần Anh T tiền tạm ứng án phí đã nộp 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) theo biên lai thu số 0009499 ngày 11/7/2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C, tỉnh Kiên Giang.

3. Về chi phí giám định: Ông Danh Đ1 phải nộp số tiền 5.890.000 đồng, ông Đ1 đã nộp xong.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Nguyễn Thị Nhiên

***Nơi nhận*:**
-VKSND tỉnh Kiên Giang;
-TAND huyện C;
-THA dân sự huyện C;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.